

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TÌNH HÌNH THANH TOÁN  
GỐC, LÃI TRÁI PHIẾU PHÁT HÀNH RA CÔNG CHỨNG**  
**PERIODIC REPORT ON CORPORATE BOND'S  
PRINCIPAL AND INTEREST PAYMENTS**

(Theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng  
Bộ Tài chính/Following the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the  
Minister of Finance)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán.

To: - The State Securities Commission;  
- The Stock Exchange.


**I. Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu/Report on bond principal  
and interest payments**

Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023/Reporting period from  
01/01/2023 to 30/06/2023.


Chi tiết theo Phụ lục I đính kèm.

**II. Báo cáo tình hình nắm giữ trái phiếu theo nhà đầu tư/Report on bond  
ownership according to the type of investors**

Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2023 đến ngày 30/06/2023/Reporting period from  
01/01/2023 to 30/06/2023

Chi tiết theo Phụ lục II đính kèm 

**Nơi nhận:**

- Như kính gửi;
- Hội đồng thành viên (đề b/c);
- Tổng Giám đốc (đề b/c);
- Lưu: VP, PC, KDVT. (15 MĐ) 

**TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC**   
**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**NGUYỄN THỊ PHƯƠNG**






**PHỤ LỤC I**  
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THANH TOÁN GỐC, LÃI TRÁI PHIẾU AGRIBANK RA CÔNG CHỨNG 2023**  
 (Kỳ báo cáo từ 01/01/2023 đến 30/06/2023)  
 (Đính kèm CV số 1769/NHN-OKDVT ngày 01/7/2023)

Đơn vị: đồng

STT	Mã trái phiếu	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số dư đầu kỳ		Thanh toán trong kỳ		Dư nợ cuối kỳ	
					Gốc	Lãi	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
1	Agribank182801	10 năm	25/12/2018	25/12/2028	3,961,937,000,000	1,159,904,055	0	825,710,405	3,961,937,000,000	334,193,650
2	Agribank192601	7 năm	24/09/2019	24/09/2026	4,997,673,000,000	1,334,496,740	0	779,390,415	4,997,673,000,000	555,139,325
3	Agribank202703	7 năm	24/12/2020	24/12/2027	4,617,921,000,000	2,804,240,605	0	992,729,565	4,617,921,000,000	662,179,400
4	VBA121033	7 năm	31/12/2021	31/12/2028	1,769,146,000,000	87,888,638	0	119,741,579,844 (*)	1,769,146,000,000	335,165,178
5	VBA122001	8 năm	30/12/2022	30/12/2030	10,000,000,000,000	0	0	0	10,000,000,000,000	0
	<b>Tổng cộng</b>				<b>25,346,677,000,000</b>	<b>5,386,530,038</b>	<b>0</b>	<b>122,339,410,229</b>	<b>25,346,677,000,000</b>	<b>1,886,677,553</b>

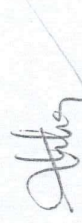
(\*) Bao gồm 14,287,774,106 đồng tiền thanh toán Lãi sau thuế cho các Trái chủ đã lưu kỳ tại VSD (Theo Công văn số 5711/VSD-DK.NV ngày 13/06/2023 về việc chuyển tiền thanh toán tiền lãi mã trái phiếu VBA121033) và 105,453,805,738 đồng tiền lãi thanh toán trong kỳ cho các Trái chủ không lưu lý tại VSD.

**NGƯỜI LẬP**



Đào Việt Anh

**KIỂM SOÁT**



Lê Thị Thu Hà

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lương Cao Thăng



**PHỤ LỤC II**  
**BÁO CÁO TÌNH HÌNH NĂM GIỮ TRÁI PHIẾU THEO CƠ CẤU NHÀ ĐẦU TƯ**

(Kỳ báo cáo từ 01/01/2023 đến 30/06/2023)  
(Đính kèm CV số 1769/NHN-KDVTT ngày 30/7/2023)


Loại Nhà đầu tư	Dư nợ đầu kỳ		Thay đổi trong kỳ		Dư nợ cuối kỳ	
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
<b>Agribank 182801</b>						
<b>I. Nhà đầu tư trong nước</b>	<b>3,960,577,000,000</b>	<b>99.97%</b>	<b>120,000,000</b>	<b>0.003%</b>	<b>3,960,697,000,000</b>	<b>99.97%</b>
1. Nhà đầu tư có tổ chức	132,125,000,000	3.34%	49,300,000,000	37.31%	181,425,000,000	4.58%
a) Tổ chức tín dụng						
b) Quỹ đầu tư						
c) Công ty chứng khoán						
d) Công ty bảo hiểm	0	0%	50,000,000,000	N/A	50,000,000,000	28%
đ) Các tổ chức khác	132,125,000,000	100%	(700,000,000)	-0.53%	131,425,000,000	72%
2. Nhà đầu tư cá nhân	3,828,452,000,000	96.66%	(49,180,000,000)	-1.28%	3,779,272,000,000	95.42%
<b>II. Nhà đầu tư nước ngoài</b>	<b>1,360,000,000</b>	<b>0.03%</b>	<b>(120,000,000)</b>	<b>-9%</b>	<b>1,240,000,000</b>	<b>0.03%</b>
1. Nhà đầu tư có tổ chức	-	0%	-		-	0%
a) Tổ chức tín dụng						
b) Quỹ đầu tư						
c) Công ty chứng khoán						
d) Công ty bảo hiểm						
đ) Các tổ chức khác						
2. Nhà đầu tư cá nhân	1,360,000,000	100%	(120,000,000)	-8.82%	1,240,000,000	100%
<b>Tổng</b>	<b>3,961,937,000,000</b>	<b>100%</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>	<b>3,961,937,000,000</b>	<b>100%</b>
<b>Agribank 192601</b>						
<b>I. Nhà đầu tư trong nước</b>	<b>4,971,743,000,000</b>	<b>99.48%</b>	<b>-</b>	<b>0%</b>	<b>4,971,743,000,000</b>	<b>99.48%</b>
1. Nhà đầu tư có tổ chức	675,845,000,000	13.59%	2,800,000,000	0.41%	678,645,000,000	13.65%
a) Tổ chức tín dụng						
b) Quỹ đầu tư						
c) Công ty chứng khoán	33,400,000,000	5%	500,000,000	1.50%	33,900,000,000	5%
d) Công ty bảo hiểm	159,706,000,000	24%	(145,000,000,000)	-90.79%	14,706,000,000	2%
đ) Các tổ chức khác	482,739,000,000	71%	147,300,000,000	30.51%	630,039,000,000	93%
2. Nhà đầu tư cá nhân	4,295,898,000,000	86.41%	(2,800,000,000)	-0.07%	4,293,098,000,000	86.35%
<b>II. Nhà đầu tư nước ngoài</b>	<b>25,930,000,000</b>	<b>0.52%</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>	<b>25,930,000,000</b>	<b>0.52%</b>
1. Nhà đầu tư có tổ chức	10,000,000,000	39%	0	0%	10,000,000,000	39%
a) Tổ chức tín dụng						
b) Quỹ đầu tư						
c) Công ty chứng khoán						
d) Công ty bảo hiểm						
đ) Các tổ chức khác	10,000,000,000	100%	-	0%	10,000,000,000	100%
2. Nhà đầu tư cá nhân	15,930,000,000	61%	-	0%	15,930,000,000	61%
<b>Tổng</b>	<b>4,997,673,000,000</b>	<b>100%</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>	<b>4,997,673,000,000</b>	<b>100%</b>
<b>Agribank 202703</b>						
<b>I. Nhà đầu tư trong nước</b>	<b>4,583,036,000,000</b>	<b>99.24%</b>	<b>-</b>	<b>0%</b>	<b>4,583,036,000,000</b>	<b>99.24%</b>
1. Nhà đầu tư có tổ chức	481,335,000,000	10.50%	(6,300,000,000)	-1.31%	475,035,000,000	10%
a) Tổ chức tín dụng						
b) Quỹ đầu tư						
c) Công ty chứng khoán						
d) Công ty bảo hiểm	50,000,000,000	10%	-	0.00%	50,000,000,000	11%
đ) Các tổ chức khác	431,335,000,000	90%	(6,300,000,000)	-1.46%	425,035,000,000	89%
2. Nhà đầu tư cá nhân	4,101,701,000,000	89.50%	6,300,000,000	0.15%	4,108,001,000,000	90%
<b>II. Nhà đầu tư nước ngoài</b>	<b>34,885,000,000</b>	<b>0.76%</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>	<b>34,885,000,000</b>	<b>0.76%</b>
1. Nhà đầu tư có tổ chức	24,000,000,000	69%	0	0%	24,000,000,000	69%
a) Tổ chức tín dụng						
b) Quỹ đầu tư						
c) Công ty chứng khoán						
d) Công ty bảo hiểm						
đ) Các tổ chức khác	24,000,000,000	100%	0	0%	24,000,000,000	100%
2. Nhà đầu tư cá nhân	10,885,000,000	31%	0	0%	10,885,000,000	31%
<b>Tổng</b>	<b>4,617,921,000,000</b>	<b>100%</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>	<b>4,617,921,000,000</b>	<b>100%</b>

74.  
AN  
TH  
CH  
HAI



<b>VBA121033</b>						
<b>I. Nhà đầu tư trong nước</b>	<b>1,763,546,000,000</b>	<b>99.68%</b>	<b>100,000,000</b>	<b>0%</b>	<b>1,763,646,000,000</b>	<b>99.69%</b>
1. Nhà đầu tư có tổ chức	97,425,000,000	5.52%	4,189,000,000	4.30%	101,614,000,000	5.76%
a) Tổ chức tín dụng						
b) Quỹ đầu tư						
c) Công ty chứng khoán					5,289,000,000	5.20%
d) Công ty bảo hiểm		0%	-			0.00%
đ) Các tổ chức khác	97,425,000,000	100%	(1,100,000,000)	-1.13%	96,325,000,000	94.80%
2. Nhà đầu tư cá nhân	1,666,121,000,000	94.48%	(4,089,000,000)	-0.25%	1,662,032,000,000	94.24%
<b>II. Nhà đầu tư nước ngoài</b>	<b>5,600,000,000</b>	<b>0.32%</b>	<b>(100,000,000)</b>	<b>-1.79%</b>	<b>5,500,000,000</b>	<b>0.31%</b>
1. Nhà đầu tư có tổ chức	200,000,000	3.57%	-		200,000,000	3.64%
a) Tổ chức tín dụng						
b) Quỹ đầu tư						
c) Công ty chứng khoán						
d) Công ty bảo hiểm						
đ) Các tổ chức khác	200,000,000	100%			200,000,000	100%
2. Nhà đầu tư cá nhân	5,400,000,000	96.43%	(100,000,000)	-1.85%	5,300,000,000	96.36%
<b>Tổng</b>	<b>1,769,146,000,000</b>	<b>100%</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>	<b>1,769,146,000,000</b>	<b>100%</b>
<b>VBA122001</b>						
<b>I. Nhà đầu tư trong nước</b>	<b>9,986,460,000,000</b>	<b>99.86%</b>	<b>-</b>	<b>0%</b>	<b>9,986,460,000,000</b>	<b>99.86%</b>
1. Nhà đầu tư có tổ chức	3,314,160,000,000	33.19%	4,000,000,000	0.12%	3,318,160,000,000	33.23%
a) Tổ chức tín dụng	2,850,000,000,000	85.99%	-	0%	2,850,000,000,000	85.89%
b) Quỹ đầu tư						
c) Công ty chứng khoán		0.00%	-			0.00%
d) Công ty bảo hiểm	100,000,000,000	3.02%	-	0%	100,000,000,000	3.01%
đ) Các tổ chức khác	364,160,000,000	10.99%	4,000,000,000	1%	368,160,000,000	11.10%
2. Nhà đầu tư cá nhân	6,672,300,000,000	66.81%	(4,000,000,000)	-0.06%	6,668,300,000,000	66.77%
<b>II. Nhà đầu tư nước ngoài</b>	<b>13,540,000,000</b>	<b>0.14%</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>	<b>13,540,000,000</b>	<b>0.14%</b>
1. Nhà đầu tư có tổ chức	-	0.00%	0		-	0.00%
a) Tổ chức tín dụng						
b) Quỹ đầu tư						
c) Công ty chứng khoán						
d) Công ty bảo hiểm						
đ) Các tổ chức khác						
2. Nhà đầu tư cá nhân	13,540,000,000	100%	-	0%	13,540,000,000	100%
<b>Tổng</b>	<b>10,000,000,000,000</b>	<b>100%</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>	<b>10,000,000,000,000</b>	<b>100%</b>

NGƯỜI LẬP



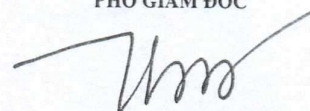
Đào Việt Anh

KIỂM SOÁT



Lê Thị Thu Hà

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Lương Cao Thăng

